244554.25

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM

Số: 244554.25
V/v: Công bố thông tin về tình hình tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2025

Kính gửi : - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
- Nhà đầu tư sở hữu trái phiếu

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1.0 Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam
- Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng số 23/GP-NHNN ngày 19.09.2022 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/GP-NHNN ngày 28.09.2018 và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên, tức ngày 25.01.1996, được sửa đổi bởi Quyết định số 2988/QĐ-NHNN ngày 14.08.2025
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Số điện thoại: 028 6299 9039 Fax: 028 6299 9040 Email: vib@vib.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Mã số thuế: 0100233488
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước;
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm: Sản phẩm hoán đổi lãi suất một đồng tiền (Interest rate swap); Sản phẩm hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền hoặc hoán đổi tiền tệ chéo (Cross currency swap); Sản phẩm lãi suất kỳ hạn (Forward rate agreement) và Sản phẩm quyền chọn lãi suất (Interest rate option);
- Mua nợ;
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Ví điện tử;
- Lưu ký chứng khoán;
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán;
- Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.

2.0 Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: Kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm 2025 (từ ngày 01.01.2025 đến ngày 30.06.2025). VIB thực hiện nghĩa vụ báo cáo do còn dư nợ trái phiếu trong kỳ báo cáo.
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
1. Vốn chủ sở hữu (đồng)	**38.350.429.000.000**	**43.627.741.000.000**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.369.708.000.000	29.793.045.000.000
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	4.756.397.000.000	5.772.566.000.000

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.224.401.000.000	8.072.070.000.000
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
- Chênh lệch tỷ giá	-77.000.000	-9.940.000.000
2. Tổng số nợ phải trả (đồng)	**392.611.651.000.000**	**487.281.283.000.000**
- Nợ vay ngân hàng	21.545.208.000.000	27.974.178.000.000
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	13.508.000.000.000	20.000.000.000.000
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	13.508.000.000.000	20.000.000.000.000
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	0	0
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	0	0
- Nợ phải trả khác	357.558.443.000,000	439.307.105.000.000
+ Các khoản nợ chính phủ và NHNNVN	0	14.424.044.000.000
+ Tiền gửi của khách hàng	247.629.776.000.000	304.392.951.000.000
+ Tiền gửi của các TCTD khác	95.731.525.000.000	99.715.013.000.000
+ Các công cụ tài chính phái sinh và Các khoản nợ tài chính khác	669.968.000.000	47.047.000.000
+ Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	6.090.000.000	3.465.000.000
+ Phát hành chứng chỉ tiền gửi	2.486.695.000.000	9.200.000.000.000
+ Các khoản nợ khác	11.034.389.000.000	11.524.585.000.000
3. Cơ cấu vốn (lần):		
- Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,91	0,92
- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	10,24	11,17
4. Khả năng thanh toán (lần):		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	N/A	N/A
- Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn)	N/A	N/A
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	N/A	N/A
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần):		

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
- Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu	0,35	0,46
- Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu	0,35	0,46
6. Lợi nhuận (đồng):		
- Lợi nhuận/Lỗ trước thuế	4.605.045.000.000	5.016.354.000.000
- Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính	3.684.105.000.000	4.012.933.000.000
- Lỗ lũy kế (nếu có)	0	0
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,99%	1,96%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	21,40%	22,97%
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán...) (nếu có)	Chi tiết tại bảng tiếp theo	Chi tiết tại bảng tiếp theo

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ghi chú: Với đặc thù hoạt động kinh doanh của Tổ chức tín dụng, các chỉ số "Khả năng thanh toán" được thể hiện rõ hơn ở các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của NHNN.

- Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành

- Loại hình doanh nghiệp: Tổ chức tín dụng

STT	Khoản mục	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025	Căn cứ pháp lý	Chỉ tiêu theo quy định pháp luật	Đánh giá thực hiện 6 tháng đầu năm 2025
1	**Tỷ lệ khả năng chi trả**			Luật các TCTD số 32/2024/QH15; Thông tư số 22/2019/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung		
	- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	22,19%	18,99%		≥10%	Đáp ứng
	- Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày:					Đáp ứng
	+ VND	60,96%	56,23%		≥50%	Đáp ứng
	+ Ngoại tệ quy đổi USD				≥10%	Đáp ứng

STT	Khoản mục	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025	Căn cứ pháp lý	Chỉ tiêu theo quy định pháp luật	Đánh giá thực hiện 6 tháng đầu năm 2025
2	**Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu**	11,75%	12,03%	Luật các TCTD số 32/2024/QH15; Thông tư số 41/2016/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	≥8%	Đáp ứng
3	**Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có**			Luật các TCTD số 32/2024/QH15		
	- Trạng thái vàng	0,00%	0,00%	Thông tư số 38/2012/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	≤2 % vốn tự có (VTC)	Đáp ứng
	- Trạng thái ngoại tệ dương	1,92%	0,10%	Thông tư số 07/2012/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	≤20 % VTC	Đáp ứng
	- Trạng thái ngoại tệ âm	-0,01%	0,00%	Thông tư số 07/2012/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	≤20 % VTC	Đáp ứng
4	**Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn**	26,18%	22,89%	Luật các TCTD số 32/2024/QH15; Thông tư số 22/2019/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	≤30%	Đáp ứng
5	**Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh**	10,75%	11,21%	Luật các TCTD số 32/2024/QH15; Thông tư số 22/2019/TT-NHNN và các	≤30%	Đáp ứng

STT	Khoản mục	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025	Căn cứ pháp lý	Chỉ tiêu theo quy định pháp luật	Đánh giá thực hiện 6 tháng đầu năm 2025
				văn bản sửa đổi, bổ sung		
6	**Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi**	71,79%	77,36%	Luật các TCTD số 32/2024/QH15; Thông tư số 22/2019/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	≤85%	Đáp ứng
7	**Giới hạn góp vốn, mua cổ phần**	Đáp ứng đầy đủ các quy định về góp vốn, mua cổ phần	Đáp ứng đầy đủ các quy định về góp vốn, mua cổ phần	Luật các TCTD số 32/2024/QH15; Thông tư số 22/2019/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	Thực hiện quy định về góp vốn, mua cổ phần và giới hạn liên quan	Đáp ứng
8	**Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng (CTD)**	Đáp ứng đầy đủ các quy định về hạn chế, giới hạn cấp tín dụng	Đáp ứng đầy đủ các quy định về hạn chế, giới hạn cấp tín dụng	Luật các TCTD số 32/2024/QH15; Thông tư số 22/2019/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung	Thực hiện các quy định về không CTD, hạn chế CTD và giới hạn CTD	Đáp ứng

3.0 Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện:

- Tên tổ chức kiểm toán: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam
- Ý kiến của tổ chức kiểm toán: *"Dựa trên kết quả kiểm tra, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ."*

244554.25

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tính chính xác của thông tin công bố nêu trên.

Tài liệu kèm theo: Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025; Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Trân trọng.

Người lập biểu	TUQ. Tổng Giám đốc
Giám đốc Phòng Thị trường vốn - TRS	Người được ủy quyền công bố thông tin
Nguyễn Ngọc Thanh	Nguyễn Minh Huệ

M.S.D.N: 0100233488 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH